TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 23-8-2018
V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Thiện Kế

Các Thẩm phán: Ông Võ Hoàng Anh

Ông Nguyễn Văn Dũ

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhẫn, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Bà Trần Hồng Diễm, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2018/TLPT- HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 về việc "ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 123/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1983; Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở hiện nay: ấp K, xã T, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Phạm Duy K, sinh năm 1986; Địa chỉ: ấp Đ, xã H, huyện K, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

3. Người kháng cáo: Bị đơn ông Phạm Duy K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh T khởi kiện trình bày:

Vào năm 2016, bà và ông Phạm Duy K tự nguyện kết hôn với nhau, có làm đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, ngày 13/7/2016. Quá trình sống chung có 01 con chung tên là Phạm Minh Q, sinh ngày 21/11/2016, hiện đang sống với ông K.

Cuộc sống vợ chồng lúc đầu rất hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 01/2017 đến nay, gia đình thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vì ông K không quan tâm đến vợ con mà còn ra tay đánh vợ, em chồng đánh bà thì ông K bênh vực làm cho vợ chồng tiếp tục xảy ra mâu thuẫn.

Ngày 26/11/2017, bà nói với chồng là cho con về ngoại chơi, thăm ngoại và các dì, nhưng ông K không cho đi. Trải qua nhiều mâu thuẫn, bà nhận thấy không thể dung hòa được, hạnh phúc gia đình không có.

Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Duy K.

- Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 21/11/2016 và không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, nên cũng không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Phạm Duy K trình bày:

Về mối quan hệ hôn nhân, thời gian ly thân, con chung, nợ chung và tài sản chung ông hoàn toàn thống nhất theo lời trình bày của bà T. Về nguyên nhân mâu thuẫn theo như bà T trình bày là không đúng, ông cho rằng mâu thuẫn không lớn dẫn đến phải ly hôn, chỉ là việc cãi vả qua lại, do cả hai người chưa thích nghi với cuộc sống chung. Nay trước yêu cầu khởi kiện của bà T, ông có ý kiến như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông không đồng ý ly hôn với bà T, xin Tòa cho một thời gian hợp lý để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

- Về con chung: Nếu ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bà T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Sự việc được Tòa án nhân dân huyện K thụ lý, giải quyết.

Tại bản án sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã quyết định như sau: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với anh Phạm Duy K.

2) Về con chung: Buộc anh Phạm Duy K có trách nhiệm giao cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 21/11/2016, cho chị Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Anh K được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị T đối với anh K.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/6/2018, bị đơn ông Phạm Duy K nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Minh Q đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Do cháu Q sống chung với gia đình ông và ông từ trước đến nay vẫn đảm bảo tốt, bản thân ông và vợ ông đều là giáo viên nên thời gian đi dạy và thu nhập tương đương nhau, ngoài ra ông còn thu nhập thêm từ chăn nuôi và trồng trọt, nên gửi con cho cha mẹ, các em ông trông nom từ trước đến nay vẫn tốt, gia đình bà T thì không có điều kiện chăm sóc như ông và gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa nhận xét trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng, các đương sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, áp dụng Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Sau khi xét xử sơ thẩm, về quan hệ hôn nhân, cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét lại và đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Phạm Duy K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết cho ông được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Minh Q đến khi trưởng thành, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, ông K và bà T đều là giáo viên có thu nhập ổn định và có đủ điều kiện nuôi dưỡng, giáo dục, chăm sóc cháu Q đến tuổi trưởng thành. Nhưng theo quy định tại Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, về việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn thì "*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*". Như vậy, cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 21/11/2016 tính đến ngày xét xử sơ thẩm chỉ mới 18 tháng tuổi. Về nguyên tắc, nếu mẹ ruột của cháu là bà Nguyễn Thị Thanh T có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con thì Tòa án cần phải giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo nguyên tắc của Luật hôn nhân và

Gia đình. Bên cạnh đó, tại công văn số 40/PLĐTBXH ngày 23/4/2018 của Phòng Lao Động Thương binh và Xã hội huyện K cũng có ý kiến là cháu Q dưới 36 tháng tuổi thì bà T được quyền nuôi con là đúng theo quy định của pháp luật (bút lục số 28). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Q cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với lợi ích của cháu, đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, kháng cáo của ông K yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi cháu Q là không có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận. Trường hợp sau này điều kiện sống có sự thay đổi, nếu có căn cứ cho rằng việc bà T trực tiếp nuôi dưỡng con chung không còn đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con thì ông K có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[4] Qua những phân tích như đã nêu trên, xét đề nghị của của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Khoản 1 Điều 148 và Khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1/. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Phạm Duy K.

Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 30/2018/HNGĐ-ST ngày 13 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Sóc Trăng như sau:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 a Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016; Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1) Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh T được ly hôn với ông Phạm Duy K.

2) Về con chung: Buộc ông Phạm Duy K có trách nhiệm giao cháu Phạm Minh Q, sinh ngày 21/11/2016, cho bà Nguyễn Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; Ông K được quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục người con chung này, không ai được ngăn cản.

3) Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T đối với ông K.

4) Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5) Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng

theo biên lai thu tiền số 0009468, ngày 19/12/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K. Như vậy, bà T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

2/. Về án phí phúc thẩm: Người kháng cáo ông Phạm Duy K phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0002355 ngày 26/6/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy ông Phạm Duy K đã thực hiện xong nghĩa vụ chịu án phí phúc thẩm.

3/. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện K;
- Chi cục THA.DS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-TDS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Mai Thiện Kế